TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Dương Thế Hà.

2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thông Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLST – DS ngày 21/4/2025, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 38/2025/QĐST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thới Thị Kim C, sinh năm 1978.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị V, sinh năm 1981.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Hoàng T, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều vắng mặt, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – chị Thới Thị Kim C trình bày:

Chị Thới Thị Kim C khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị C số tiền đã vay là 46.800.000 đồng**,** không yêu cầu tính lãi chậm trả. Bởi vì từ chỗ quen biết với nhau, từ khoảng năm 2018 chị V bắt đầu vay mượn tiền của chị C, ngoài vay tiền ra thì chị V còn tham gia chơi hụi

do chị C làm chủ. Đến khoảng tháng 9/2019 âm lịch, hai bên tính toán lại thì chị V còn nợ chị C tổng cộng số tiền 61.800.000 đồng chưa trả. Do vậy đến ngày 14/9/2019 âm lịch, chị V viết giấy mượn nợ số tiền trên cho chị C. Sau khi chốt nợ, chị V có trả cho chị C được 15.000.000 đồng, hiện còn lại 46.800.000 đồng nhưng chị V cố tình trốn tránh không trả nên chị C mới khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu trả nợ theo quy định của pháp luật.

Số tiền 46.800.000 đồng vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T còn thiếu chị Thới Thị Kim C là tài sản riêng của chị C, vì vợ chồng chị C hiện nay đã ly hôn. Do vậy chị C chỉ yêu cầu vợ chồng chị V, anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị C, không liên quan đến quyền lợi của ai khác.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn - chị Huỳnh Thị V trình bày:

Chị Huỳnh Thị V có quen biết, chơi hụi và vay mượn tiền của chị Thới Thị Kim C. Sau thời gian làm ăn với nhau thì tính đến tháng 9/2019 âm lịch, chị V còn thiếu chị C số tiền 61.800.000 đồng nên đã lập giấy mượn tiền ngày 14/9/2019 âm lịch, xác nhận số tiền còn thiếu cho chị C. Sau khi chốt nợ, chị V có trả cho chị C tổng cộng 15.000.000 đồng, đến nay còn thiếu chị C số tiền 46.800.000 đồng chưa trả. Chị V đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho chị C, đây là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị V yêu cầu buộc anh Đặng Hoàng T là chồng của chị V phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị V trả nợ cho chị C.

[3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Đặng Hoàng T trình bày:

Anh Đặng Hoàng T là chồng của chị Huỳnh Thị V. Việc vay mượn tiền giữa chị V với chị C thì anh T không tham gia, không biết và cũng không sử dụng tiền chị V vay của chị C. Do vậy anh T xác định số tiền chị V đã vay của chị C là nợ riêng của chị V, không phải nợ chung của vợ chồng nên không đồng ý liên đới nghĩa vụ trả tiền cho chị C.

[4]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản sao căn cước công dân; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án, giấy mượn tiền và đơn đề nghị không tiến hành phiên họp công khai, hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân và bản tự khai.

- Tài liệu, chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân và bản trình bày ý kiến.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị Thới Thị Kim C, chị Huỳnh Thị V và anh Đặng Hoàng T.

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Chị Huỳnh Thị V công nhận hiện nay còn thiếu chị Thới Thị Kim C số tiền 46.800.000 đồng chưa trả.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về phương thức, nghĩa vụ thực hiện trả nợ.

[7]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Thới Thị Kim C số tiền 46.800.000 đồng. Buộc vợ chồng chị V, anh T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa các đương sự đều vắng mặt, trong đó: Nguyên đơn – chị Thới Thị Kim C đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án, bị đơn – chị Huỳnh Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đặng Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[2.1] Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

[2.2] Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả số tiền vay: Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo lời khai, ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ, tại các bút lục số 03, 17, 18, 19, 20, 23, 24 và 25; chị Thới Thị Kim C và chị Huỳnh Thị V đều công nhận trong quá trình làm ăn, vay mượn tiền với nhau, tính đến ngày 14/9/2019 âm lịch, chị V còn thiếu chị C tổng số tiền là 61.800.000 đồng; sau đó có trả được 15.000.000 đồng, đến nay chị V còn thiếu chị C 46.800.000 đồng chưa trả. Như vậy, số tiền chị C khởi kiện yêu cầu chị V thanh toán đã được chị V thừa nhận, là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về nghĩa vụ trả tiền vay:

Theo ý kiến đã trình bày có tại hồ sơ, chị Thới Thị Kim C yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T phải liên đới nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho chị C.

Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện ý kiến tại bút lục số 14 và 15 có trong hồ sơ, anh Đặng Hoàng T trình bày đối với việc vay tiền giữa chị Huỳnh Thị V với chị Thới Thị Kim C thì anh T không tham gia, không biết việc chị V vay tiền và cũng không sử dụng tiền vay. Trong khi đó, chị V xác định số tiền chị V thiếu chị C là nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại chị Huỳnh Thị V và anh Đặng Hoàng T vẫn là vợ chồng, đang chung sống với nhau, việc làm ăn kinh tế trong gia đình đều do vợ chồng chăm lo nên số tiền chị V vay của chị C thì anh T buộc phải biết, mặt khác chị V cũng đã thừa nhận đây là nợ chung của chị V và anh T trong thời kỳ hôn nhân. Do đó có đủ căn cứ để buộc anh T phải liên đới nghĩa vụ với chị V trả số tiền còn thiếu cho chị C là phù hợp với các Điều 27 và 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.3] Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Thới Thị Kim C. Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V và anh Đặng Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị C số tiền là 46.800.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4] Chị Thới Thị Kim C không yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi chậm trả phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Thới Thị Kim C được chấp nhận nên cần buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

[5] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Thới Thị Kim C số tiền 46.800.000 đồng. Buộc vợ chồng chị V, anh T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

1. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 160, 161, 162, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

3. Các Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

4. Khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Thới Thị Kim C.

Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V và anh Đặng Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Thới Thị Kim C số tiền là 46.800.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị V, anh Đặng Hoàng T phải liên đới nộp **2.340.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Thới Thị Kim C 1.545.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005220, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ